

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **126/2020/DS-ST**

Ngày: 29/6/2020

*V/v tranh chấp “Hợp đồng tặng
cho tài sản có điều kiện”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đoàn Thanh Phong**;

2. Bà **Võ Ngọc Phương**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-DS ngày 01/6/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1962.

Ông **Đỗ Văn E**, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã M, huyện N, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông E: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện N, Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền số 32 ngày 07/01/2020)

* Bị đơn: Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1969;

Chị **Hồ Thị Kim B**, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: số 164 ấp K, xã O, huyện N, Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Đỗ Hoàng C**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện N, Tiền Giang.

(Bà D, bà A, chị B và anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đỗ Văn E và bà Trần Thị D trình bày: Vào ngày 10/4/2019 âm lịch ông bà có đưa sinh lễ cùng tiền mặt đến nhà bà Trần Thị A và chị Hồ Thị Kim B để tổ chức lễ hỏi cho con trai là anh Đỗ Hoàng C và chị Hồ Thị Kim B gồm: 01 con heo quay, 04 mâm lễ vật cùng số tiền là 8.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K) toàn bộ số vàng ông bà mua ở tiệm vàng Ngọc Tươi và định ngày làm đám cưới là ngày 04/12/2019 âm lịch.

Sau đám hỏi khoảng 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn nên con ông bà có phản kháng lại đánh bà A nên bà A nóng giận hủy lễ cưới, ông bà đã cố gắng xin lỗi nhưng bên nhà gái là bà A, chị B vẫn cương quyết hủy hôn. Số vàng cưới 06 chỉ vàng này và 05 phân vàng nhẫn 18K tôi cho trình lễ cho nở mặt dòng họ và cho các con làm của sau này, việc trình lễ có hai bên sui gia họ hàng chứng kiến. Nay phía nhà gái là bà A, chị B hủy hôn thì ông bà yêu cầu bà A, chị B phải hoàn trả lại cho ông bà 06 chỉ vàng 24K và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Trần Thị A trình bày: Ngày 10/4/2019 âm lịch gia đình bà D, ông A có trình sinh lễ gồm: 01 con heo quay, 04 mâm lễ vật cùng số tiền là 8.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K) và định ngày đám cưới là ngày 05 - 06/12/2019 âm lịch. Đối với số vàng là 06 chỉ 24K và 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ 18K là do bà D nói cho con gái bà là Hồ Thị Kim B và yêu cầu bà đeo cho con bà là chị B có chụp hình. Sau đó con gái bà giữ số vàng này và con gái bà và con rể là Đỗ Hoàng C làm gì không rõ. Bà được biết anh C và chị B đã bán hết số vàng trên để đi nhà trọ ở và trả nợ tiền cá độ đá banh hết của C, bà hoàn toàn không biết nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà D và ông E.

* Bị đơn chị Hồ Thị Kim B trình bày: Số vàng cưới này sau khi ăn lễ hỏi khoảng 02 tháng thì anh C đã bán hết số vàng gồm: 06 chỉ 24k, 01 chiếc nhẫn 05 phân 18k tại tiệm vàng Ngọc A, mục đích bán số vàng này để hai chúng tôi sử dụng chung và anh C đi trả nợ tiền đá gà, bóng đá và thuê nhà trọ hết. Gia đình chúng tôi có báo cho phía mẹ chồng biết nhưng mẹ chồng im lặng không nói gì. Nay tôi không đồng ý trả số tiền trên.

* Người liên quan anh Đỗ Hoàng C trình bày: Số vàng 06 chỉ 24k, 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 18k là sinh lễ đưa vợ trong lễ ăn hỏi nhưng do hủy hôn nên yêu cầu mẹ vợ, chị B phải trả lại cho tôi cưới vợ khác. Tôi không có bán số vàng này, chúng tôi chỉ đi nhà trọ có một ngày.

* **Tại phiên tòa**, bà D vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị A, chị Hồ Thị Kim B phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà 06 chỉ vàng 24k gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Trần Thị A trình bày: Bà không có nhận 06 chỉ vàng 24K và chiếc nhẫn 05 phân 18K của bà D mà là sinh lễ của con gái bà là chị B. Chị B, anh C đã giữ.

Sau đó khoảng 10 ngày thì chị B đã đưa cho anh C đi bán để đi nhà trọ và trả nợ tiền cá độ, số vàng này bà không biết do đó bà không đồng ý trả.

Chị Hồ Thị Kim B trình bày: Số vàng cưới này sau khi ăn lễ hỏi khoảng 10 ngày thì chị đã đưa hết lại cho anh C bán hết số vàng gồm: 06 chỉ 24k, 01 chiếc nhẫn 05 phân 18k tại tiệm vàng Ngọc Tươi, mục đích bán số vàng này để hai chúng tôi sử dụng chung và anh C đi trả nợ tiền đá gà, bóng đá và thuê nhà trọ hết nên chị không đồng ý trả theo yêu cầu của bà D, ông E.

Anh Đỗ Hoàng C trình bày: Anh hoàn toàn không có lấy vàng cưới đi bán, anh không biết đường đi đến tiệm vàng Ngọc A, anh đề nghị chị B và bà A phải trả lại vàng cưới cho anh lấy vợ khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của chị B thừa nhận có nhận số vàng sinh lễ gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K. Việc chị B trình bày đã đưa vàng cho anh C nhưng không có chứng cứ chứng minh, do đó yêu cầu khởi kiện của bà D và ông E là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu của bà D, ông E khởi kiện bà A có nghĩa vụ cùng liên đới trả số vàng 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở vì việc trao sinh lễ trong ngày đám hỏi các bên thừa nhận trao và đeo trực tiếp số vàng trên cho chị B, bà A không có giữ vàng, chỉ là người chứng kiến khi nhà trai trao sinh lễ cho nhà gái. Phía bà D, ông E không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà A là người trực tiếp giữ vàng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn E, Trần Thị D khởi kiện bà Trần Thị A, chị Hồ Thị Kim B có địa chỉ tại số 164 ấp K, xã O, huyện N, Tiền Giang phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông bà 06 chỉ 24k, 01 chiếc nhẫn 05 phân 18k là sinh lễ cưới hỏi nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện*.” tại Điều 462 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông E, bà D và bà A, chị B, anh C có xác lập quan hệ tặng cho tài sản, cụ thể do anh C và chị B có quen biết nên vào ngày 10/4/2019 AL các ông bà có làm lễ hỏi cho anh C và chị B. Sính lễ ngày đám hỏi gồm 01 con heo quay, 04 mâm lễ vật cùng số tiền là 8.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K và định ngày làm đám cưới là ngày 04 – 05 và 06/12/2019 AL. Tại buổi đám hỏi, gia đình nhà trai (ông E, bà D) dưới sự chứng kiến của dòng họ các bên đã trao trực tiếp cho chị B 06 chỉ vàng 24K gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn 05 phân chỉ vàng 18K. Sau khi đám hỏi thì xảy ra mâu thuẫn giữa anh C và bà A, hai bên gia đình có bàn bạc nhiều lần nhưng không đến kết quả và không tiến hành đám cưới như đã định trước đó cho chị B và anh C. Phía nhà gái (bà A, chị B), nhà trai (ông E, bà D và anh C) hủy hôn ước nhưng không hoàn trả lại toàn bộ số vàng mà nhà trai đã trao tặng là 06 chỉ vàng 24K và 01 chiếc nhẫn 0,5 phân vàng 18K là vi phạm nghĩa vụ về quyền tài sản tặng cho có điều kiện, mục đích tặng cho tài sản là số vàng cưới trên để thực hiện điều kiện đi đến việc kết hôn nên vợ nên chồng giữa chị B, anh C. Tại lễ hỏi phía bà A, chị B đồng ý nhận số vàng 06 chỉ 24K và 0,5 phân vàng 18K đồng nghĩa với việc đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 04/12/2019AL, khi hai bên nhà trai và gái hủy đám cưới thì phía nhà gái chị B phải hoàn trả lại toàn bộ số vàng 06 chỉ 24K và 0,5 phân vàng 18K cho phía ông E, bà D. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông E, bà D là phù hợp với qui định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với lời trình bày của chị B cho rằng sau ngày đám hỏi khoảng 10 ngày thì chị đã đưa toàn bộ số vàng mà đám hỏi được bà D, ông E trao cho anh C bán tiêu xài và trả nợ cá nhân của anh C, lời trình bày này không có cơ sở bởi tại ngày đám hỏi chị B thừa nhận phía nhà trai bên anh C có trao 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K và đeo trực tiếp cho chị và hai bên gia đình định ngày cưới sắp tới. Chị B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc chị B đã đưa lại vàng cho anh C, mặc khác tại phiên tòa anh C không thừa nhận việc anh nhận vàng từ chị B và đi bán vàng do đó HĐXX không chấp nhận nên buộc chị B phải trả lại toàn bộ số vàng 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K cho bà D, ông E.

Đối với yêu cầu của bà D, ông E khởi kiện bà A có nghĩa vụ cùng liên đới trả số vàng 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở vì việc trao sính lễ trong ngày đám hỏi các bên thừa nhận trao và đeo trực tiếp số vàng trên cho chị B, bà A không có giữ vàng, chỉ là người chứng kiến khi nhà trai trao sính lễ cho nhà gái. Phía bà D, ông E không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà A là người trực tiếp giữ vàng nên bà A không phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số vàng 06 chỉ vàng 24K gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K cho bà D, ông E.

Theo giá vàng tại tiệm vàng Ngọc Tươi tại thời điểm xét xử có giá: 4.900.000 đồng/chỉ 24K và 3.330.000 đồng/chỉ 18K.

Về thời hạn trả: Hợp đồng tặng cho giữa bà D, ông E và chị B là hợp đồng có điều kiện nên khi không thực hiện được điều kiện thì phải hoàn trả, do đó bà D, ông E yêu cầu chị B trả 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K khi án có hiệu lực là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 462, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí

Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn E, bà Trần Thị D.

1. Buộc chị Hồ Thị Kim B có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đỗ Văn E, bà Trần Thị D 06 chỉ vàng 24K (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng, 01 sợi dây chuyền có mặt 03 chỉ vàng, 01 chiếc lắc 02 chỉ), 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp chậm thi hành án thì chị B phải trả cho ông E, bà D tiền lãi tương ứng số vàng và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.553.250 đồng (một triệu năm trăm năm mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn lại cho ông E, bà D số tiền tạm ứng án phí 687.500 đồng (Sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0003334 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm..

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng